

Số: 81/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 06 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H2 (M).

Địa chỉ: E N, phường L, TP ..

Địa chỉ liên lạc: Tầng A, Tòa nhà R, số A N, phường B, TP . Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Đức Q. Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Q1 (Theo văn bản uỷ quyền số 12402/2023/UQ-TGD12 ngày 29/12/2023).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Bùi Đức Q là:

1./ Ông Trần Quốc H, sinh năm 1997, chức vụ: Chuyên viên chính – Phòng tố tụng.

2./ Ông Vũ Thành C, sinh năm 1992, chức vụ: Chuyên viên cao cấp – Phòng tố tụng.

Cùng địa chỉ: Số A, đường T, phường C, TP ..

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày: 01/01/1971.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp H, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đồng ý có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP H2 (M) số tiền tính đến ngày 22/06/2026 là 3.232.304.014 (Ba tỷ, hai trăm ba mươi hai triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn, không trăm mười bốn đồng) trong đó bao gồm: Tổng nợ gốc: 2.366.372.419 đồng; Nợ lãi trong hạn: 841.029.999 đồng; Nợ lãi quá hạn: 24.901.596 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 23/6/2026 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại các Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 15/05/2023; Hợp đồng cho vay kiêm giấy nợ số 171388.06150/2023/HĐCV ngày 27/06/2023; Hợp đồng cho vay kiêm giấy nợ số 189086.11641/2023/HĐCV ngày 18/10/2023, Hợp đồng cho vay kiêm giấy nợ số 111-00021363.18503/2023/HĐCV ngày 19/12/2023 giữa Ngân hàng TMCP H2 (M) với bà Nguyễn Thị Ngọc H1.

- Công nhận hợp đồng thế chấp ký ngày 27/06/2023 giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H1 với Ngân hàng TMCP H2 tại Phòng C2 tỉnh Đồng Tháp theo số công chứng 3372; Quyền số: 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 239, tờ bản đồ số: 37, diện tích: 75,1 m², địa thửa đất: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (nay là Khu phố A, phường H, tỉnh Đồng Tháp), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DL 790303, Số vào sổ cấp GCN: CH05049, đứng tên Ông Phan Phú C1. Ngày 21/06/2023 cập nhật chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ngọc H1. Trường hợp sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật mà bà Nguyễn Thị Ngọc H1 không trả số tiền vay còn thiếu đầy đủ cho Ngân hàng TMCP H2 thì cơ quan thi hành án dân sự có quyền xử lý tài sản thế chấp trong hợp đồng thế chấp nói trên để thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đồng ý chịu số tiền: 48.323.000 đồng (Bốn mươi tám triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng TMCP H2 (M) không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP H2 (M) số tiền 46.361.500 đồng (Bốn mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số: 0000523 ngày 10/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

+ Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đồng ý chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP H2 (M) (Do Ngân hàng TMCP H2 (M) đã tạm ứng chi).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 12 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Dương